

Số: 69/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 Điều 2 như sau:

“i) Tổ chức được giao trực tiếp quản lý cơ sở, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”.

Điều 2. Bổ sung các khoản 6, 7 và khoản 8 vào sau khoản 5 Điều 3 như sau:

1. Bổ sung khoản 6

“6. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần đối với một hành vi vi phạm trong một cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy thì không bị xử phạt từng hành vi vi phạm hành chính mà xử phạt một hành vi vi phạm hành chính áp dụng tình tiết tăng nặng”.

2. Bổ sung khoản 7

“7. Tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở, tổ chức, cá nhân thuê, mượn, ở nhờ nhà ở sẽ bị xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này tương ứng với trách nhiệm của tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở, tổ chức, cá nhân thuê, mượn, ở nhờ nhà ở theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”.



3. Bổ sung khoản 8

“8. Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ).”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Nghị định này được tính từ ngày cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ra văn bản thông báo kết quả huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định;

b) Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định này được tính từ ngày cơ quan quản lý chuyên ngành ra văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

c) Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Nghị định này được tính từ ngày cơ quan quản lý chuyên ngành ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định hoặc chấm dứt hoạt động;

d) Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều 20 Nghị định này đối với công trình không thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tính từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân sử dụng đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhưng chưa có văn bản thông báo kết quả huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.”.



Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1

“a) Không xuất trình hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phục vụ kiểm tra, thanh tra về phòng cháy, chữa cháy;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2

“a) Không bố trí người có thẩm quyền làm việc với người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra sau khi đã nhận được thông báo kiểm tra, quyết định thanh tra về phòng cháy, chữa cháy;”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1

“a) Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc không đủ đối tượng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc không đúng mức phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định đối với cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;”.

2. Bổ sung khoản 5

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 18 như sau:

“6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

1. Bổ sung điểm c của khoản 8

“c) Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới không bảo đảm số lượng hoặc không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 12

“12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc trang bị, lắp đặt đèn, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn bảo đảm theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;

c) Buộc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm theo quy định cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành đối với hành vi vi phạm tại khoản 4, khoản 6 và khoản 7 Điều này;

d) Buộc trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, hệ thống báo cháy bảo đảm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 và điểm a khoản 9 Điều này;

đ) Buộc trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy, hệ thống chữa cháy bảo đảm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 8 và điểm b khoản 9 Điều này;

e) Buộc trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới bảo đảm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 8 và điểm c khoản 9 Điều này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 21 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

“2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì đủ số lượng hoặc không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật theo quy định của phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ đã được trang bị, lắp đặt;

b) Không duy trì trữ lượng nước chữa cháy theo quy định.”.

2. Bãi bỏ khoản 8.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 9

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b

“b) Buộc duy trì đủ số lượng, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ, trữ lượng nước chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ

“đ) Buộc duy trì thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, hệ thống báo cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và điểm a khoản 6 Điều này;”;



c) Sửa đổi, bổ sung điểm e

“e) Buộc duy trì thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy, hệ thống chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều này.”.

Điều 10. Bãi bỏ khoản 6 của Điều 23.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24 như sau:

1. Bãi bỏ khoản 3.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6

“6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 7

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d

“d) Buộc duy trì lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của gian phòng, khu vực, nhà, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này;”.

b) Bổ sung điểm đ

“đ) Buộc bảo đảm đủ lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của gian phòng, khu vực, nhà, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều này.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 25 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

“2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì vật liệu ngăn cháy hoặc cửa ngăn cháy hoặc vách ngăn cháy hoặc màn ngăn cháy hoặc rèm ngăn cháy hoặc vật liệu chống cháy đã được trang bị, lắp đặt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4

“4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa nhà, công trình.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5

“5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt vật liệu ngăn cháy hoặc cửa ngăn cháy hoặc vách ngăn cháy hoặc màn ngăn cháy hoặc rèm ngăn cháy hoặc vật liệu chống cháy.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8

“8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 9

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b

“b) Buộc duy trì, lắp đặt vật liệu ngăn cháy hoặc cửa ngăn cháy hoặc vách ngăn cháy hoặc màn ngăn cháy hoặc rèm ngăn cháy hoặc vật liệu chống cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c

“c) Buộc duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;”;

c) Bãi bỏ điểm d khoản 9.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định từ Điều 30 đến Điều 36a Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm đã được phân định thẩm quyền xử phạt cho cơ quan mình theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

2. Người được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, công chức, viên chức thuộc cơ quan quy định tại các Điều 30 và Điều 36a Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý của mình và phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;



đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủ đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;



e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm lâm

1. Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;



c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;



- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra

1. Thanh tra viên các Bộ: Quốc phòng, Công an có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu, Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Chánh Thanh tra các Bộ: Quốc phòng, Công an; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh thanh tra các Bộ: Quốc phòng, Công an thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 21. Bổ sung Điều 36a như sau:

“Điều 36a. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực

1. Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 37 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3

“3. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 7, 14, 15, 16, 20 và Điều 21 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Nghị định này trong phạm vi, lĩnh vực mình quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

2. Bãi bỏ khoản 8.

3. Bổ sung khoản 9

“9. Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các Điều 18, 23, 24 và Điều 25 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

4. Bổ sung khoản 10

“10. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

5. Bổ sung khoản 11

“11. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22 và Điều 25 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

6. Bổ sung khoản 12

“12. Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trực tiếp quản lý cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Điều 18 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện nhưng chưa hết thời hiệu xử phạt hoặc đang xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý.

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). **70**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính